

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 6 năm 2020
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Lâm
2. Ông Nguyễn Thế Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tín - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 643/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 463/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông S, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 35 đường H, tổ 52, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 35 đường H, tổ 52, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10/12/2019 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông S trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng vào ngày 29/12/2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, bà H không quan tâm đến gia đình, tôi đã góp ý nhiều lần nhưng không thay đổi. Vào tháng 9/2019 tôi đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng vì muốn cho bà H một cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nên tôi đã rút đơn khởi kiện, tuy nhiên mâu thuẫn vẫn không được cải thiện.

Nay tôi thấy mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà H.

- *Về con chung*: Tôi và bà H không có con chung.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

* Bị đơn là bà H không có văn bản phản hồi, không tham gia các buổi hòa giải và không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng được đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc ông S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông S được ly hôn với bà H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông S xác định không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông S khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H, bà H có địa chỉ cư trú tại số 35 đường H, tổ 52, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ (niêm yết) các văn bản tố tụng theo đúng trình tự pháp luật quy định. Nhưng bà H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Cả 02 lần Tòa án mở phiên tòa bà H đều không có mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà H đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bà H, lý do là vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Xét yêu cầu của ông S thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương, chia sẻ, quan tâm nhau. Nhưng trên thực tế thì vợ chồng ông S, bà H đã mâu thuẫn đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng ông S đã sống ly thân từ nhiều tháng nay. Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S đối với bà H là thỏa đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Ông S và bà H không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông S xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Ông S, sinh năm 1958, là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 V/v “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của ông S đối với bà H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông S được ly hôn với bà H.

2. Về án phí:

Ông S được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông S số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001668 ngày 27.12.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- UBND phường T, quận C;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Dân